

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13/01/2021, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 13/01/2021, vốn điều lệ của Công ty là 750.499.360.000 VND, được chia thành 75.049.936 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	73.769.435	98,29%
2	Các đối tượng khác	1.280.501	1,71%
Cộng		75.049.936	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch
- Ông Phạm Công Đoàn	Ủy viên
- Ông Bùi Quang Đạo	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên
- Ông Nguyễn Phú Quân	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc
- Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
- Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên
- Bà Lương Thị Yến	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Những sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 361/QĐ-SGDHN ngày 17/07/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, trong năm 2020, 50.049.936 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu) của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CQN.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành bổ sung cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHCD ngày 05/10/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 25.000.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu) theo Quyết định số 18/QĐ-SGDHN ngày 19/01/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn và được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số 5700100231 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/01/2021 với vốn điều lệ 750.499.360.000 đồng tương ứng 75.049.936 cổ phần.

6. Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Đạo
Tổng Giám đốc

Số: 54 /2021/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0449-2018-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0740-2018-242-1

3440
CÔNG
NHIỆM
PK
T
TUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.118.600.146.435	2.752.357.026.585
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.019.797.657	28.462.181.233
Tiền	111	5.1	23.019.797.657	28.462.181.233
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	140.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	150.000.000.000	140.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		899.186.690.157	2.539.665.902.661
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	772.895.237.456	1.708.663.603.751
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.898.309.800	8.556.658.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	130.839.779.100	834.270.433.950
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.446.636.199)	(11.824.793.640)
Hàng tồn kho	140	5.7	42.245.205.262	40.111.876.888
Hàng tồn kho	141		42.245.205.262	42.692.482.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(2.580.605.802)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.148.453.359	4.117.065.803
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	3.169.242.119	3.786.383.825
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	979.211.240	330.681.978
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		403.881.014.770	425.833.203.623
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		193.779.874.381	216.468.707.341
TSCĐ hữu hình	221	5.9	193.697.846.802	216.001.192.036
- Nguyên giá	222		602.627.964.375	614.463.900.629
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(408.930.117.573)	(398.462.708.593)
TSCĐ vô hình	227	5.10	82.027.579	467.515.305
- Nguyên giá	228		4.145.060.000	4.050.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.063.032.421)	(3.582.484.695)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		36.249.917.910	36.804.400.617
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	36.249.917.910	36.804.400.617
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	161.924.096.131	161.598.604.900
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		188.644.167.351	196.703.805.351
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(28.927.284.992)	(37.312.414.223)
Tài sản dài hạn khác	260		11.927.126.348	10.961.490.765
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	11.927.126.348	10.961.490.765
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.522.481.161.205	3.178.190.230.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		595.723.434.497	2.568.370.938.347
Nợ ngắn hạn	310		595.723.434.497	2.568.370.938.347
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	409.481.035.742	2.462.112.871.287
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	939.294.293	1.188.995.076
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	10.701.351.627	8.613.243.971
Phải trả người lao động	314		25.876.600.490	17.496.190.234
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	282.174.478	9.194.009.773
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	318		2.717.638.841	3.032.405.838
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	140.041.599.610	63.805.031.193
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.683.739.416	2.928.190.975
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		926.757.726.708	609.819.291.861
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	926.757.726.708	609.819.291.861
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.099.700.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.158.666.708	109.319.931.861
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.040.034.261	42.567.453.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.118.632.447	66.752.478.686
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.522.481.161.205	3.178.190.230.208

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	TM	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	1.564.160.714.495	5.589.595.943.957
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ		1.564.160.714.495	5.589.595.943.957
Giá vốn hàng bán	6.2	1.441.510.558.944	5.465.350.390.792
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.650.155.551	124.245.553.165
Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	116.565.568.695	45.132.014.404
Chi phí tài chính	6.4	103.095.624.570	34.589.606.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
Chi phí bán hàng	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.7	64.586.876.152	71.519.569.016
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.533.223.524	63.268.392.041
Thu nhập khác	6.5	21.168.835.802	26.550.660.498
Chi phí khác	6.6	6.481.161.747	6.336.010.069
Lợi nhuận khác (40=31-32)		14.687.674.055	20.214.650.429
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86.220.897.579	83.483.042.470
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.9	18.102.265.132	16.730.563.784
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.9	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		68.118.632.447	66.752.478.686
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.10	1.348	1.334

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Bùi Quang Đạo

Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	TM	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.557.662.722.304	4.240.076.784.791
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(3.431.331.856.245)	(4.734.603.124.532)
Tiền chi trả cho người lao động		(97.215.151.630)	(107.778.794.279)
Tiền chi trả lãi vay		-	-
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.700.000.000)	(15.211.398.335)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.902.463.055	31.980.000.744
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(109.967.795.534)	(83.329.174.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.064.649.618.050)	(668.865.706.528)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(4.356.060.000)	(3.294.285.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(175.000.000.000)	(89.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		956.399.000.000	783.475.466.707
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.3	24.838.041.376	17.085.352.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		801.880.981.376	708.266.534.446
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	5.18	337.498.900.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	5.18	(80.129.866.800)	(50.012.111.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		257.369.033.200	(50.012.111.050)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.462.181.233	39.072.488.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(42.780.102)	975.579
Tiền và tương đương tiền cuối năm		23.019.797.657	28.462.181.233

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13/01/2021, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 75.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh nông sản;
- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Xí nghiệp dỡ Cái Lân;
- Xí nghiệp cơ giới Hạ Long (tên trước đây là Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long);
- Xí nghiệp sửa chữa và vận tải (tên trước đây là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ);
- Xí nghiệp giao nhận và kho bãi (tên trước đây là Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi); và
- Trung tâm điều độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 688 nhân viên trong đó có 36 nhân viên quản lý (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 công ty có 713 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá: Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 5 - 28 năm |
| - Máy móc, trang thiết bị: | 5 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải: | 6 - 20 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 5 - 13 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- | | |
|-------------|--------|
| - Phần mềm: | 03 năm |
|-------------|--------|

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 01 năm 2021 là 750.499.360.000 đồng và được chia thành 75.049.936 cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.13 Chi phí hoạt tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Hoạt động kinh doanh nông sản không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác (không bao gồm các khoản tạm ứng), các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh) và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14064
NG T
HIỆM H
KE
T NA
LÂN -

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	83.436.393	77.002.399
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	22.936.361.264	28.385.178.834
Cộng	23.019.797.657	28.462.181.233
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2020 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		83.436.393
Cộng		83.436.393
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		10.647.414.218
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh		5.204.315.818
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		315.716.920
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Trung tâm kinh doanh		5.012.680.109
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		23.262.092
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		91.439.279
Ngoại tệ (USD)	533.898,03	12.285.906.450
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh	522.961,65 #	12.033.347.567
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	10.738,58 #	248.007.505
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	197,80 #	4.551.378
Ngoại tệ (EUR)	106,77	3.040.596
- Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - CN Quảng Ninh	106,77 #	3.040.596
Cộng		22.936.361.264

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP SHB Quảng Ninh	30.000.000.000	-
Khác	120.000.000.000	140.000.000.000
- Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (*)	120.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	140.000.000.000

(*) Đây là khoản ký gửi vốn vào Công ty cổ phần Tập đoàn T&T ("Tập đoàn T&T") theo hợp đồng hợp tác số 01/2020/CQN-TT ngày 01 tháng 01 năm 2020 giữa Công ty và Tập đoàn T&T ("Hợp đồng quản lý vốn"), theo đó Công ty ký gửi khoản tiền nhân rồi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu rút khoản ký gửi Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T và yêu cầu Tập đoàn T&T chuyển khoản rút vốn vào tài khoản của Công ty theo chỉ dẫn của Công ty. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thống nhất giữa hai bên.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	772.895.237.456	1.708.663.603.751
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	716.894.524.616	1.007.229.296.836
- Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	87.744.770.076	940.825.749.616
- Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	209.649.954.810	66.403.547.220
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	202.092.758.450	-
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển kinh doanh Phát An Lộc	217.407.041.280	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	56.000.712.840	701.434.306.915
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng	772.895.237.456	1.708.663.603.751
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 7.1)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.898.309.800	8.556.658.600
- Chi tiết các khoản phải trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả trước cho người bán	3.902.698.140	5.945.632.870
<i>Công ty Cổ phần Hợp Tiến Thành</i>	-	944.750.730
<i>Công ty Luật TNHH Trần Nguyễn</i>	430.000.000	4.380.000.000
<i>Công ty TNHH Tân Quang Minh</i>	620.882.140	620.882.140
<i>Cty TNHH GREIFER MRS</i>	2.851.816.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.995.611.660	2.611.025.730
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	6.898.309.800	8.556.658.600

5.5 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	130.839.779.100	(506.381.220)	834.270.433.950	(506.381.220)
Tạm ứng	449.435.588	-	2.223.853.199	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	30.157.193.535	-	7.467.179.778	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu rau quả I	31.606.442.882	-	4.228.559.572	-
Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	7.277.423.644	-	690.997.507	-
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (i)	43.912.876.713	-	815.921.384.322	-
Phải thu khác	16.930.025.518	-	3.232.078.352	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	130.839.779.100	(506.381.220)	834.270.433.950	(506.381.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần tập đoàn T&T bao gồm: số dư khoản lãi theo Hợp đồng quản lý vốn và số dư của các thỏa thuận hợp tác kinh doanh, trong đó hai bên cùng hợp tác, góp vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T đang thực hiện hoặc cùng phối hợp kinh doanh các lĩnh vực có thể mạnh mẽ xuất thấy khả thi và phù hợp với nhu cầu của Cảng Quảng Ninh (trên lãnh thổ Việt Nam). Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	11.485.955.981	39.319.782	12.828.624.898	1.003.831.258
- Từ 3 năm trở lên	11.354.890.041	-	11.326.789.888	-
<i>Cty CP ĐT Cừu Long Vinashin</i>	716.847.009	-	716.847.009	-
<i>Công ty CP Công Nghiệp Năng Cừu Long</i>	1.785.424.000	-	1.785.424.000	-
<i>Công ty CP Tập đoàn Quang Minh</i>	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	1.235.254.794	-	1.255.340.841	-
<i>Khác</i>	2.243.950.404	-	2.195.764.204	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	131.065.940	39.319.782	28.100.153	8.430.046
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	-	-	3.633.953	1.090.186
<i>Công ty CP thương mại Lương Sơn</i>	131.065.940	39.319.782	-	-
<i>Chi cục Hải quan Cảng Cái Lân</i>	-	-	24.466.200	7.339.860
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	181.065.940	90.532.970
<i>Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh</i>	-	-	-	-
<i>Công ty CP thương mại Lương Sơn</i>	-	-	181.065.940	90.532.970
- Dưới 1 năm	-	-	1.292.668.917	904.868.242
<i>Công ty TNHH Chế biến lâm sản dăm gỗ VINA</i>	-	-	107.239.296	75.067.507
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải TOMMY</i>	-	-	505.152.221	353.606.555
<i>Chi cục Hải quan Cảng Cái Lân - Cục hải quan tỉnh Quảng Ninh</i>	-	-	680.277.400	476.194.180
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.512.895.857	-	6.707.574.901	(504.226.986)
Phụ tùng và vật tư thay thế	33.611.551.459	-	33.973.754.982	(2.076.227.988)
Công cụ, dụng cụ	2.120.757.946	-	2.011.212.807	(150.828)
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	42.245.205.262	-	42.692.542.690	(2.580.605.802)

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Xây dựng cơ bản	35.992.916.561	35.992.916.561
<i>Dự án kho bãi hàng hóa đôi thượng lưu bến một</i>	32.493.489.224	32.493.489.224
<i>Dự án kho 4200m² đôi trong bến một</i>	2.298.399.091	2.298.399.091
<i>Dự án khác</i>	1.201.028.246	1.201.028.246
- Sửa chữa	257.001.349	811.484.056
Cộng	36.249.917.910	36.804.400.617

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	172.238.390.464	105.449.174.871	324.711.856.251	12.064.479.043	614.463.900.629
- Mua trong năm	-	-	2.481.818.182	-	2.481.818.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	65.087.904	-	-	-	65.087.904
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.157.435.770)	(10.225.406.570)	(14.382.842.340)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	172.303.478.368	105.449.174.871	323.036.238.663	1.839.072.473	602.627.964.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	102.746.572.894	67.876.440.947	215.945.369.700	11.894.325.052	398.462.708.593
- Khấu hao trong năm	5.067.307.548	6.351.156.059	13.373.534.748	58.252.965	24.850.251.320
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.157.435.770)	(10.225.406.570)	(14.382.842.340)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	107.813.880.442	74.227.597.006	225.161.468.678	1.727.171.447	408.930.117.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	69.491.817.570	37.572.733.924	108.766.486.551	170.153.991	216.001.192.036
Tại ngày cuối năm	64.489.597.926	31.221.577.865	97.874.769.985	111.901.026	193.697.846.802
- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay					-
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết, đang sử dụng					116.952.277.298

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	4.050.000.000	4.050.000.000
- Mua trong năm	-	95.060.000	95.060.000
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	4.145.060.000	4.145.060.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	3.582.484.695	3.582.484.695
- Khấu hao trong năm	-	480.547.726	480.547.726
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	4.063.032.421	4.063.032.421
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	467.515.305	467.515.305
Tại ngày cuối năm	-	82.027.579	82.027.579
<i>Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết, đang sử dụng</i>			145.000.000

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	188.644.167.351	(26.720.071.220)	196.703.805.351	(35.105.200.451)
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	156.918.438.000	-	156.918.438.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	-	1.015.739.351	(93.671.351)
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	1.000.000.000	(634.700.000)	1.000.000.000	(510.000.000)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	29.709.990.000	(26.085.371.220)	29.709.990.000	(26.441.891.100)
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	-	-	8.059.638.000	(8.059.638.000)
Cộng	190.851.381.123	(28.927.284.992)	198.911.019.123	(37.312.414.223)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Tỷ lệ biểu quyết	
	31/12/2020	01/01/2020
c. Chi tiết các khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	23,53%	23,53%
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	12,23%	12,23%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	0,01%	0,01%
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	0,71%	0,71%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	8,14%	8,14%
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	-	13,43%

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	3.169.242.119	3.786.383.825
Bảo hiểm tài sản	816.799.950	854.005.529
Thuê nhà kho	1.056.720.000	1.056.720.000
Chi phí trả trước khác	1.295.722.169	1.875.658.296
b. Dài hạn	11.927.126.348	10.961.490.765
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.220.574.665	367.418.039
Chi phí nợ vét luông	-	1.871.874.191
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.706.551.683	8.722.198.535
Cộng	15.096.368.467	14.747.874.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	409.481.035.742	409.481.035.742	2.462.112.871.287	2.462.112.871.287
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
<i>Công ty Cổ phần Chipsgood - Vegetexco</i>	180.510.065.650	180.510.065.650	442.680.808.100	442.680.808.100
<i>Công ty cổ phần HUM</i>	-	-	345.778.118.020	345.778.118.020
<i>Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội</i>	214.497.085.700	214.497.085.700	474.735.022.900	474.735.022.900
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Rau Quả</i>	-	-	430.004.356.252	430.004.356.252
<i>Công ty TNHH VI NA HANIMEXCO</i>	-	-	409.491.139.920	409.491.139.920
<i>Công ty cổ phần Cảng rau quả</i>	-	-	290.585.180.810	290.585.180.810
- Khác	14.473.884.392	14.473.884.392	68.838.245.285	68.838.245.285
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	409.481.035.742	409.481.035.742	2.462.112.871.287	2.462.112.871.287

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	939.294.293	939.294.293	1.188.995.076	1.188.995.076
- Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trên tổng người mua trả tiền trước:				
<i>SILENUS INTERNATIONAL CO., LTD</i>	2.380.008	2.380.008	854.376.700	854.376.700
<i>Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Uy</i>	-	-	132.007.689	132.007.689
<i>Công ty TNHH CARGILL Việt Nam</i>	616.509.374	616.509.374	-	-
<i>PDA SHIPPING EXPENSES</i>	186.404.994	186.404.994	-	-
- Khác	133.999.917	133.999.917	202.610.687	202.610.687
b. Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	939.294.293	939.294.293	1.188.995.076	1.188.995.076

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.882.680.187	20.268.399.729	20.582.557.205	1.568.522.711
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	91.512.029	91.512.029	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.730.563.784	18.102.265.132	15.700.000.000	9.132.828.916
Thuế khác	-	1.156.339.860	1.156.339.860	-
Cộng	8.613.243.971	39.618.516.750	37.530.409.094	10.701.351.627
b. Phải thu				
Thuế TNCN	312.433.978	3.226.352.155	3.874.881.417	960.963.240
Thuế nhập khẩu	18.248.000	66.280.336	66.280.336	18.248.000
Cộng	330.681.978	3.292.632.491	3.941.161.753	979.211.240

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	282.174.478	9.194.009.773
Chi phí quảng cáo	-	9.090.909.091
Cước vận chuyển	127.591.675	-
Chi phí tư vấn phát hành vốn	55.000.000	-
Chi phí vận chuyển	53.902.340	-
Khác	45.680.463	103.100.682
b. Dài hạn	-	-
Cộng	282.174.478	9.194.009.773

5.17 Phải trả khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	140.041.599.610	63.805.031.193
Kinh phí công đoàn	70.909.354	72.961.364
Cổ tức phải trả	7.915.574	57.884.774
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	25.685.874.073	30.214.884.981
Công ty cổ phần Chipsgood - Vegetexo	24.206.168.206	14.195.204.741
Tổng công ty vật tư nông nghiệp - Công ty cổ phần	6.635.807.071	47.249.029
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Rau Quả	13.332.018.570	9.523.207.120
Công ty TNHH VI NA HANIMEXCO	18.475.720.068	4.707.327.228
Công ty cổ phần Cảng rau quả	16.249.847.458	3.676.927.123
Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	32.382.193.177	-
Khác	3.117.180.888	1.309.384.833
b. Dài hạn	-	-
Cộng	140.041.599.610	63.805.031.193

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.499.360.000	-	-	99.173.878.248	599.673.238.248
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	66.752.478.686	66.752.478.686
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(56.606.425.073)	(56.606.425.073)
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	500.499.360.000	-	-	109.319.931.861	609.819.291.861
- Tăng vốn trong năm nay	250.000.000.000	87.099.700.000	-	-	337.099.700.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	68.118.632.447	68.118.632.447
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(88.279.897.600)	(88.279.897.600)
Số dư cuối năm	750.499.360.000	87.099.700.000	-	89.158.666.708	926.757.726.708

(*): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận Năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/6/2020 (Chi trả cổ tức: 80.079.897.600 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 8.200.000.000 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	737.694.350.000	492.124.320.000
Các đối tượng khác	12.805.010.000	8.375.040.000
Cộng	750.499.360.000	500.499.360.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	500.499.360.000	500.499.360.000
Vốn góp tăng trong năm	250.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	750.499.360.000	500.499.360.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	80.079.897.600	50.049.936.000

Cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.049.936	50.049.936
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ngoại tệ		
+ USD	533.898,03	571.059,10
+ EUR	106,77	955,38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.564.160.714.495	5.589.595.943.957
Kinh doanh hàng hóa nông sản	1.151.509.696.340	5.171.843.911.774
Phí bốc xếp	267.689.739.949	258.321.611.964
Phí cầu bến	37.457.765.591	39.242.880.880
Tiền hàng hóa qua cảng	16.192.693.034	15.320.089.222
Tiền vận chuyển hàng	29.859.686.955	26.520.950.392
Lưu kho, bãi	24.031.721.812	34.024.217.941
Các dịch vụ khác	37.419.410.814	44.322.281.784

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn hàng hóa nông sản	1.150.746.093.820	5.170.872.010.236
Chi phí nhân công	82.263.519.532	71.334.026.035
Chi phí bốc xếp, lai đất	72.975.860.914	69.821.567.247
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	46.951.597.239	52.983.431.916
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.059.205.700	26.798.818.349
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.548.875.048	22.296.613.075
Chi phí điện nước	6.753.647.351	6.928.734.803
Chi phí sửa chữa	12.356.323.372	12.304.953.374
Chi phí khác	30.436.041.770	32.010.235.757
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.580.605.802)	-
Cộng	1.441.510.558.944	5.465.350.390.792

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.132.527.910	9.926.934.830
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.804.468	56.680.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.000.000	70.000.000
Lãi trả chậm	106.350.899.794	13.212.432.210
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.336.523	21.865.966.996
Cộng	116.565.568.695	45.132.014.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	102.184.827	120.299.373
Chi phí trả chậm (Hoàn nhập)/ dự phòng đầu tư tài chính	103.257.018.294 (263.578.551)	32.229.753.139 2.239.554.000
Cộng	103.095.624.570	34.589.606.512

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thưởng làm tàu nhanh	11.546.421.386	19.521.995.650
Thu tiền phạt bồi thường	9.026.854.250	6.244.988.352
Các khoản khác	595.560.166	783.676.496
Cộng	21.168.835.802	26.550.660.498

6.6 Chi phí khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Phạt bảo hiểm	66.497	-
Tiền phạt, bồi thường	759.127.726	6.122.822.475
Dịch vụ tư vấn pháp lý	3.600.000.000	-
Xử lý công nợ tạm ứng	1.126.938.480	-
Các khoản khác	995.029.044	213.187.594
Cộng	6.481.161.747	6.336.010.069

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.965.033.593	71.519.569.016
Chi phí nhân viên	42.710.048.993	38.221.988.295
Chi phí khấu hao	271.593.346	291.837.145
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.031.325.316	2.038.266.529
Chi phí thuê đất	1.125.535.860	893.448.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.824.593.532	22.516.721.237
Chi phí dự phòng	-	208.080.312
Chi phí khác	6.001.936.546	7.349.226.598
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(378.157.441)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(378.157.441)	-
Cộng	64.586.876.152	71.519.569.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	358.310.104.519	366.360.619.212
Chi phí nhân công	124.973.568.525	109.556.014.330
Chi phí bốc xếp lai dắt	72.975.860.914	69.821.567.247
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	46.951.597.239	50.471.295.553
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.330.799.046	27.090.655.494
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.580.200.364	24.697.549.244
Chi phí điện nước	6.753.647.351	6.928.734.803
Chi phí sửa chữa	12.356.323.372	12.304.953.374
Chi phí khác	50.388.107.708	65.489.849.167
b. Các khoản ghi giảm chi phí	(2.958.763.243)	(362.669.640)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.580.605.802)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(378.157.441)	(362.669.640)
Cộng	355.351.341.276	365.997.949.572

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.102.265.132	16.730.563.784
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.220.897.579	83.483.042.470
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	4.290.428.080	169.776.449
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>4.360.428.080</i>	<i>263.181.561</i>
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	<i>(70.000.000)</i>	<i>(70.000.000)</i>
<i>Điều chỉnh khác</i>	<i>-</i>	<i>(23.405.112)</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	90.389.290.830	83.652.818.919
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	90.511.325.659	83.652.818.919
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.102.265.132	16.730.563.784
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.102.265.132	16.730.563.784

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	68.118.632.447	66.752.478.686
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	68.118.632.447	66.752.478.686
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.528.078	50.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.348	1.334

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phát sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Trong 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Ngày 31/12/2020</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.019.797.657	-	23.019.797.657
Phải thu khách hàng	772.895.237.456	-	772.895.237.456
Phải thu khác	130.390.343.512	-	130.390.343.512
Các khoản đầu tư	150.000.000.000	188.644.167.351	338.644.167.351
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.446.636.199)	-	(11.446.636.199)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(26.720.071.220)	(26.720.071.220)
Tổng cộng	1.064.858.742.426	161.924.096.131	1.226.782.838.557
<u>Ngày 31/12/2020</u>			
Phải trả người bán	409.481.035.742	-	409.481.035.742
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	140.323.774.088	-	140.323.774.088
Tổng cộng	549.804.809.830	-	549.804.809.830
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>515.053.932.596</i>	<i>161.924.096.131</i>	<i>676.978.028.727</i>
<u>Ngày 01/01/2020</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.462.181.233	-	28.462.181.233
Phải thu khách hàng	1.708.663.603.751	-	1.708.663.603.751
Phải thu khác	832.046.580.751	-	832.046.580.751
Các khoản đầu tư	140.000.000.000	196.703.805.351	336.703.805.351
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.824.793.640)	-	(11.824.793.640)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(35.105.200.451)	(35.105.200.451)
Tổng cộng	2.697.347.572.095	161.598.604.900	2.858.946.176.995
<u>Ngày 01/01/2020</u>			
Phải trả người bán	2.462.112.871.287	-	2.462.112.871.287
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	90.495.231.200	-	90.495.231.200
Tổng cộng	2.552.608.102.487	-	2.552.608.102.487
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>144.739.469.608</i>	<i>161.598.604.900</i>	<i>306.338.074.508</i>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2020</i>	<i>01/01/2020</i>	<i>31/12/2020</i>	<i>01/01/2020</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000.000	140.000.000.000	150.000.000.000	140.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	772.895.237.456	1.708.663.603.751	761.954.982.477	1.697.345.191.331
<i>Các khoản phải thu khác</i>	130.390.343.512	832.046.580.751	129.883.962.292	831.540.199.531
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	23.019.797.657	28.462.181.233	23.019.797.657	28.462.181.233
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	188.644.167.351	196.703.805.351	161.924.096.131	161.598.604.900
Tổng cộng	1.264.949.545.976	2.905.876.171.086	1.226.782.838.557	2.858.946.176.995
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	409.481.035.742	2.462.112.871.287	409.481.035.742	2.462.112.871.287
<i>Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả</i>	140.323.774.088	90.495.231.200	140.323.774.088	90.495.231.200
Tổng cộng	549.804.809.830	2.552.608.102.487	549.804.809.830	2.552.608.102.487

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Trong năm tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2020 (VND)
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ			
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ bốc xếp	8.414.402.204
Cộng			8.414.402.204
Giá trị hàng hoá, dịch vụ mua			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	129.282.601.370
Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ thuê kho, vận chuyển	79.906.600
Cộng			129.362.507.970
Thu nhập của nhân sự chủ chốt			
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng			6.711.565.117
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị			2.251.550.955
Lương, thưởng của Ban Kiểm soát			818.479.289
Cộng			9.781.595.361
Hoạt động tài chính			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ		
+ Chuyển tiền theo Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			110.000.000.000
+ Thu hồi tiền theo Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			(905.921.384.322)
+ Lợi ích phát sinh từ Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			43.912.876.713
Cộng			(752.008.507.609)
Chi phí tài chính			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ		6.588.558.042
Cộng			6.588.558.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

		Mối quan hệ	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ		120.000.000.000	140.000.000.000
Cộng			120.000.000.000	140.000.000.000
Phải thu khác				
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ		43.912.876.713	815.921.384.322
Cộng			43.912.876.713	815.921.384.322
Phải thu khách hàng				
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược		3.214.706.945	2.277.247.579
Cộng			3.214.706.945	2.277.247.579
Phải trả người bán				
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ		-	52.260.290.148
Cộng			-	52.260.290.148
Phải trả khác				
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ		6.635.807.071	47.249.029
Cộng			6.635.807.071	47.249.029
Tạm ứng				
Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc		-	189.161.165
Đình Anh Tuấn	P. Tổng giám đốc		-	937.777.315
Cộng			-	1.126.938.480

7.2 Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Dưới 1 năm	28.229.026.487	27.419.465.027
Từ 1 đến 5 năm	114.335.116.809	114.218.369.336
Trên 5 năm	230.183.869.552	259.771.663.564
Cộng	372.748.012.848	401.409.497.927

Cam kết thuê hoạt động thể hiện cam kết cho chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7.3 Những sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 361/QĐ-SGDHN ngày 17/07/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, trong năm 2020, 50.049.936 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu) của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CQN.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành bổ sung cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHCD ngày 05/10/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 25.000.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu) theo Quyết định số 18/QĐ-SGDHN ngày 19/01/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn và được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số 5700100231 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/01/2021 với vốn điều lệ 750.499.360.000 đồng tương ứng 75.049.936 cổ phần.

7.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Bùi Quang Đạo

